TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/01/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đở

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Til

Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 227/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 652/2022/QĐXXST-HN ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QDST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Thanh Th**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú T, xã Trường X, huyện T, thành phố C.

Bị đơn: Bà **Phan Thanh T**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú T, xã Trường X, huyện T, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Thanh Th trình bày:

Ông và bà Phan Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và đã được UBND phường An P, quận K, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2008.

Sau khi kết hôn cuộc sống gia đình không có mâu thuẫn và sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và ông, bà đã ly thân từ ngày 20/11/2020 cho đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn được nữa và tình cảm vợ chồng cũng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thanh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Hưng T (nam), sinh ngày 12/12/2009 và Huỳnh Hưng Th (nam), sinh ngày 21/9/2016. Hiện nay ông là người trực tiếp nuôi con nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Tphải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có tài sản chung là 01 chiếc xe mô tô hiệu Vario và 01 căn nhà trên đất có diện tích 76,5m^2 thuộc thửa 1467, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Phú T, xã Trường X, huyện T, thành phố C. Tuy nhiên, ông xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Tvà yêu cầu được nuôi con chung, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung nguyên đơn xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cức vào các tài liệu, chứng cứ có trong hô sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy, hôn nhân giữa ông, bà là do tự nguyện nên khi về chung sống ông, bà cũng có thời gian hạnh phúc, nhưng sau đó sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cự cãi. Hơn nữa ông, bà cũng có thời gian dài ly thân nhưng vẫn không có biện pháp nào để hàn gắn, đồng thời bà T cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình như thế nào đối với yêu cầu ly hôn của ông Th. Điều đó cho thấy bà đã mặc nhiên thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và bà cũng không mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông, bà đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên yêu cầu ly hôn của ông Th đối với bà Tlà có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Huỳnh Hưng T (nam), sinh ngày 12/12/2009 và Huỳnh Hưng Th (nam), sinh ngày 21/9/2016. Xét về điều kiện nuôi dưỡng con chung thì ông Th có đầy đủ các điều kiện để nuôi dưỡng cũng như chăm sóc, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu. Hơn nữa kể từ khi ông, bà ly thân đến nay ông Th là người trực tiếp nuôi dưỡng nên tiếp tục giao các cháu cho ông Th nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Th xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đình chỉ, nếu sau này phát sinh có tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Ông Th xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn phải chịu theo quy định và được nhận lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Thanh Th đối với bà Phan Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Hưng T (nam), sinh ngày 12/12/2009 và Huỳnh Hưng Th (nam), sinh ngày 21/9/2016 cho ông Huỳnh Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T không ai được quyền ngăn cản. Để bảo đảm quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe mô tô hiệu Vario và căn nhà trên đất có diện tích 76,5m^2 thuộc thửa 1467, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Phú T, xã Trường X, huyện T, thành phố C. Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu chia tài sản chung và được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Ông Th xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, ông Th phải chịu. Ông Th được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 6.425.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005671 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí. Ông Th được nhận lại 6.125.000đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Giúp Đở